

KHUNG QUẢN TRỊ BẢO HIỂM TÍN DỤNG: MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

TS. Nguyễn Đình Dũng

Viện Công nghệ Tài chính Ngân hàng, UFM

Tác giả liên hệ: nddung@ufm.edu.vn

Ngày nhận: 07/01/2026

Ngày nhận bản sửa: 12/02/2026

Ngày duyệt đăng: 24/02/2026

DOI: 10.71192/618182gchyvu

Tóm tắt

Bảo hiểm tín dụng là công cụ tài chính quan trọng nhằm giảm rủi ro tín dụng, thúc đẩy thương mại và ổn định hệ thống tài chính. Bài viết phân tích khung quản trị bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025, dựa trên cơ sở lý thuyết rủi ro tín dụng và dữ liệu thực tiễn từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam và World Bank. Thị trường Việt Nam còn non trẻ với tỷ lệ thâm nhập 5-6% dư nợ tín dụng, nhưng tăng trưởng 15-20% hằng năm nhờ hội nhập quốc tế (CPTPP, EVFTA, RCEP). Tuy nhiên, tồn tại bất cập như thiếu minh bạch phí bảo hiểm, ép buộc mua và giám sát chưa chặt chẽ. Bài viết rút kinh nghiệm từ các quốc gia như Trung Quốc (SINOSURE), Nhật Bản (NEXI), Hàn Quốc (KEIC), châu Âu (Allianz Trade) và Mỹ (EXIM Bank), đề xuất khuyến nghị: thành lập cơ quan chuyên biệt, tăng minh bạch và hợp tác quốc tế, nhằm giảm nợ xấu (NPL) 10-20% và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu thứ cấp và so sánh quốc tế, góp phần hoàn thiện chính sách bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam.

Từ khóa: Bảo hiểm tín dụng, khung quản trị, nợ xấu, kinh nghiệm quốc tế, khuyến nghị chính sách.

Credit Insurance Governance Framework in Vietnam: Practices in the Period 2020-2025, International Experiences, and Policy Recommendations

Dr. Nguyen Dinh Dung

Institute of Financial and Banking Technology, UFM

Corresponding Author: nddung@ufm.edu.vn

Abstract

Credit insurance serves as a vital financial mechanism designed to mitigate credit risks, foster trade, and enhance the stability of the financial system. This paper examines the governance framework for credit insurance in Vietnam for the 2020-2025 period, grounded in credit risk theory and utilizing empirical data from the State Bank of Vietnam (SBV) and the World Bank. While the Vietnamese credit insurance market remains relatively underdeveloped, with a penetration rate of 5-6% of total credit outstanding, it has experienced an annual growth rate of 15-20%, largely driven by international integration through agreements such as CPTPP, EVFTA, and RCEP. Notwithstanding this growth, challenges persist, including a lack of transparency regarding insurance fees, mandatory purchases, and inadequate regulatory oversight. The article synthesizes lessons learned from international counterparts, such as SINOSURE in China, NEXI in Japan, KEIC in Korea, Allianz Trade in Europe, and EXIM Bank in the US, and puts forth several recommendations: the establishment of a specialized regulatory body, improvement of transparency, and enhancement of international collaboration. These measures could potentially reduce non-performing loans (NPLs) by 10-20% and facilitate sustainable economic growth. The study employs secondary document analysis and comparative international methods to inform and refine Vietnam's credit insurance policies.

Keywords: Credit insurance, governance framework, non-performing loans, international experiences, policy recommendations.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bảo hiểm tín dụng nổi lên như một công cụ tài chính thiết yếu để giảm thiểu rủi ro không thanh toán trong giao dịch tín dụng và thương mại. Bảo hiểm

tín dụng bao gồm hai loại chính: bảo hiểm khoản vay cá nhân/doanh nghiệp (credit life insurance), chi trả nợ khi người vay gặp rủi ro bất ngờ; và bảo hiểm tín dụng thương mại/xuất khẩu (trade/export credit insurance), bảo vệ doanh nghiệp khỏi rủi ro phá sản đối

tác hoặc biến động kinh tế (The Business Research Company, 2025).

Tại Việt Nam, với dư nợ tín dụng đạt hơn 18,4 triệu tỷ đồng vào cuối năm 2025, tăng 18% so với năm 2024 (State Bank of Vietnam, 2025), bảo hiểm tín dụng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nợ xấu (NPL) - hiện ở mức 2-3% dư nợ. Tuy nhiên, thị trường còn hạn chế với tỷ lệ thâm nhập thấp (5-6%), thấp hơn các nước châu Âu (20-30%). Giai đoạn 2020-2025 chứng kiến sự phát triển nhờ các hiệp định thương mại tự do, nhưng vẫn còn những thách thức về khung quản trị.

Vấn đề nghiên cứu: Khung quản trị bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam còn bất cập, dẫn đến hiệu quả thấp trong giảm NPL và hỗ trợ tăng trưởng. Mục tiêu của bài viết là: (i) Trình bày và luận giải về khung lý thuyết bảo hiểm tín dụng; (ii) Phân tích thực tiễn về khung bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025; (iii) Rút kinh nghiệm từ thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế; (iv) Đề xuất khuyến nghị chính sách về bảo hiểm tín dụng trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

Các nghiên cứu về bảo hiểm tín dụng tập trung vào vai trò giảm rủi ro tín dụng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Merton (1974) đặt nền tảng lý thuyết rủi ro tín dụng, nhấn mạnh chuyên giao rủi ro để giảm thiểu tổn thất. Tại châu Á, các mô hình như SINOSURE (Trung Quốc) và KEIC (Hàn Quốc) được phân tích nhấn mạnh hợp tác công - tư (PPP). Ở Việt Nam, nghiên cứu nội địa (FinGroup, 2025) tập trung vào bancassurance và hội nhập, nhưng thiếu đánh giá toàn diện về khung quản trị hậu Covid-19. Tổng quan cho thấy khoảng trống nghiên cứu về bài học quốc tế áp dụng cho Việt Nam, mà bài viết muốn bổ sung.

Bảo hiểm tín dụng được xây dựng trên nền tảng lý thuyết rủi ro tín dụng của Robert C. Merton (1974), theo đó, rủi ro vỡ nợ được mô hình hóa như một quyền chọn bán (put option) trên giá trị tài sản của doanh nghiệp. Trong khuôn khổ này, việc chuyên giao rủi ro tín dụng từ ngân hàng hoặc người cho vay sang công ty bảo hiểm có thể được xem như một cơ chế tái phân bổ rủi ro trong hệ thống tài chính, góp phần đa dạng hóa danh mục, giảm thiểu

tổn thất kỳ vọng và ổn định bảng cân đối kế toán của tổ chức tín dụng. Về mặt lý thuyết, khi rủi ro được phân tán hiệu quả hơn, chi phí vốn có thể giảm xuống và khả năng tiếp cận tín dụng của doanh nghiệp được cải thiện, qua đó, gián tiếp nâng cao chất lượng tín dụng và hạn chế nợ xấu.

Trong bối cảnh Việt Nam, việc phát triển các công cụ quản trị và chuyên giao rủi ro như bảo hiểm tín dụng phù hợp với định hướng bảo đảm an sinh xã hội và ổn định kinh tế vĩ mô được nêu trong các văn kiện của Đảng.

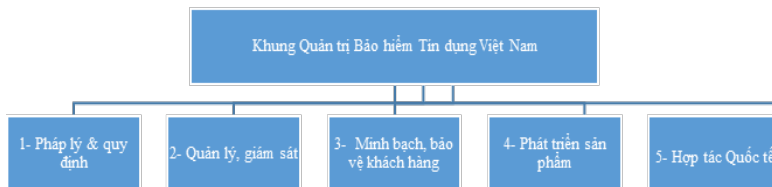
Khung quản trị quốc tế đối với mô hình hợp tác công tư (Public - Private Partnership - PPP) được định hình tương đối rõ trong *Recommendation of the Council on Principles for Public Governance of Public-Private Partnerships* của Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). Văn kiện này nhấn mạnh rằng PPP chỉ phát huy hiệu quả khi được đặt trong một cấu trúc thể chế minh bạch, có cơ quan điều phối chuyên trách và cơ chế giám sát tài khóa chặt chẽ nhằm bảo đảm “giá trị đồng tiền” (value for money) cho khu vực công (OECD, 2012).

2.2. Phương pháp nghiên cứu và khung phân tích

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích chính sách pháp lý, đối chiếu với chuẩn mực quốc tế thông qua nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của Việt Nam và các nước tiên tiến trên thế giới. Các dữ liệu phân tích dựa trên mô hình so sánh quốc tế, kết hợp lý thuyết rủi ro tín dụng với các yếu tố: (1) Khung pháp lý và giám sát (từ NHNN, Bộ Tài chính); (2) Thực tiễn thị trường (tỷ lệ thâm nhập, sản phẩm bảo hiểm, NPL); (3) Góc nhìn đa chiều (Nhà nước, xã hội, khách hàng, ngân hàng); (4) Kinh nghiệm quốc tế (chính sách, nguồn lực, đào tạo chuyên gia...); (5) Khuyến nghị chính sách (có tính khả thi). Khung này đảm bảo phân tích logic từ lý thuyết đến thực tiễn, dẫn đến giải pháp khuyến nghị cụ thể.

Đề xuất khung quản trị dựa trên lý thuyết rủi ro tín dụng (Merton, 1974), phương pháp so sánh quốc tế, và tập trung vào 5 trụ cột chính: Pháp lý - Giám sát - Minh bạch - Phát triển sản phẩm - Hợp tác Quốc tế. Mục tiêu: Tăng tỷ lệ thâm nhập lên 10-15% vào năm 2030, giảm NPL 15-20%, hỗ trợ SMEs và xuất khẩu.

Hình 1. Khung quản trị Bảo hiểm tín dụng Việt Nam



Nguồn: Đề xuất của tác giả

a) Khung pháp lý và quy định

Xây dựng nền tảng pháp lý vững chắc, tự nguyện và minh bạch để khuyến khích khách hàng tham gia thị trường.

Cập nhật và bổ sung sửa đổi luật hiện hành: Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 để tích hợp quy định chuyên biệt về bảo hiểm tín dụng, bao gồm loại hình xuất khẩu và thương mại.

Ban hành nghị định mới: Nghị định chuyên biệt về bảo hiểm tín dụng (dựa trên Nghị định 88/2019/NĐ-CP), quy định sản phẩm đa dạng (bảo hiểm ngắn hạn cho Covid-like khủng hoảng, với kinh nghiệm từ Hàn Quốc - KEIC) và ưu đãi thuế, giảm lãi suất vay cho doanh nghiệp tham gia.

Thực hiện thí điểm 2-3 năm (2026-2028), đánh giá qua chỉ số NPL và tỷ lệ thâm nhập của bảo hiểm tín dụng, rút kinh nghiệm điều chỉnh trước khi áp dụng rộng rãi.

b) Cơ quan quản lý và giám sát

Thành lập cơ quan chuyên biệt để tập trung nguồn lực, tránh phân tán như hiện tại. Thành lập Công ty Bảo hiểm Tín dụng Quốc gia (VICIC): Mô hình PPP, vốn ban đầu khoảng 10-20 nghìn tỷ VND từ Ngân sách Nhà nước và các đối tác khác, tương tự SINOSURE (Trung Quốc). Chức năng gồm phát hành sản phẩm, giám sát rủi ro, hỗ trợ xuất khẩu.

Cơ chế giám sát đa tầng: NHNN và Bộ Tài chính kiểm tra hàng quý, sử dụng AI đánh giá rủi ro thời gian thực. Thiết lập hệ thống dữ liệu chia sẻ giữa ngân hàng, bảo hiểm và doanh nghiệp để phát hiện vi phạm sớm (ví dụ: ép buộc mua qua bancassurance).

Nguồn lực: Tăng ngân sách giám sát từ nhà nước, đào tạo nhân sự chuyên sâu (hợp tác cho chuyên gia công nghệ).

c) Minh bạch và bảo vệ người tiêu dùng

Giải quyết vấn đề khiếu nại phổ biến bằng cách tăng cường thông tin nhiều chiều và giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

Minh bạch phí và hợp đồng: Bắt buộc công bố phí chi tiết trên nền tảng số, loại trừ rủi ro rõ ràng (không phức tạp như hiện tại). Thiết lập cơ chế khiếu nại trực tuyến, xử lý trong thời hạn quy định kết hợp với kiểm tra định kỳ các khiếu nại tồn đọng.

Giáo dục tài chính: Chương trình quốc gia (hợp tác NHNN và Bộ, ngành liên quan) để nâng nhận thức cho SMEs và cá nhân, nhằm tăng tham gia tự nguyện.

Bảo vệ SMEs: Giảm phí 20-30% cho doanh nghiệp nhỏ, ưu tiên bảo hiểm xuất khẩu (học từ Hàn Quốc - KEIC chiếm 6,2% xuất khẩu).

d) Phát triển sản phẩm và hỗ trợ thị trường

Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với nhu cầu, tập trung vào SMEs và lĩnh vực xuất khẩu.

Sản phẩm mới: phát triển bảo hiểm ngắn hạn (áp dụng khi có khủng hoảng kinh tế), bảo hiểm đa người mua và bảo hiểm rủi ro chính trị (học kinh nghiệm từ Nhật Bản - NEXI). Việc tích hợp với mô hình bancassurance cần đi kèm cơ chế giám sát chặt chẽ nhằm hạn chế hành vi lạm dụng.

Thí điểm sản phẩm dành riêng cho SMEs (chiếm tỷ lệ lớn kinh tế Việt Nam), với mục tiêu tăng bảo hiểm xuất khẩu lên 10% tổng xuất khẩu vào năm 2030.

Áp dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo AI để đánh giá rủi ro, giảm chi phí từ 10-15%.

đ) Hợp tác quốc tế và đánh giá hiệu quả

Tăng cường hội nhập để tiếp cận tiêu chuẩn toàn cầu, tạo cầu nối hợp tác với các nước về các hoạt động bảo hiểm xuất khẩu.

Tham gia OECD Arrangement và IAIS, hợp tác với SINOSURE, KEIC cho chuyên gia kinh nghiệm. Ký MOU với World Bank, IMF để được hỗ trợ tài chính và công nghệ.

Đánh giá và điều chỉnh: Thiết lập chỉ số KPI hàng năm: Tỷ lệ thâm nhập, giảm NPL (mục tiêu 15-20%), tăng xuất khẩu (10%). Thuê lập Báo cáo độc lập từ các tổ chức có uy tín như FiiRatings hoặc IMF để đảm bảo tính trung thực, khách quan.

Bảng 1. Tóm tắt các trụ cột và bài học quốc tế áp dụng

Trụ cột	Mô tả chính	Bài học quốc tế áp dụng	Lợi ích dự kiến cho Việt Nam
(1) Pháp lý và Quy định	Sửa luật, ban hành nghị định minh bạch phí 0.5-5%	Allianz Trade (minh bạch phí), EXIM Bank (cấm ép buộc)	Giảm khiếu nại 50%, tăng tham gia tự nguyện
(2) Cơ quan quản lý	Thành lập VICIC (PPP), giám sát AI	SINOSURE (công-tư), KEIC (linh hoạt khủng hoảng)	Tập trung nguồn lực, giảm NPL 15-20%
(3) Minh bạch và Bảo vệ	Công bố phí, giáo dục tài chính	Allianz Trade (AI rủi ro), NEXI (giám sát đa phương)	Tăng niềm tin, giảm bất bình đẳng SMEs
(4) Phát triển sản phẩm	Đa dạng hóa, ưu đãi SMEs	KEIC (ngắn hạn), EXIM Bank (đa người mua)	Tăng tỷ lệ thâm nhập lên 10-15%, hỗ trợ xuất khẩu

(5) Hợp tác quốc tế	Tham gia OECD, IAIS	NEXI (hợp tác World Bank), SINOSURE (BRI)	Tiếp cận công nghệ, hội nhập, tăng xuất khẩu 10%
---------------------	---------------------	---	--

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực tiễn khung quản trị bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025

Khung pháp lý: Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 (tự nguyện, minh bạch); Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 (cấm ép buộc); Thông tư số 39/2016/TT-NHNN; Nghị định số 88/2019/NĐ-CP. NHNN và Bộ Tài chính giám sát, sản phẩm qua bancassurance.

Phí theo tỷ lệ trên vốn vay, nhưng thiếu minh bạch dẫn đến khiếu nại.

Thị trường tăng trưởng 15-20% hằng năm, chiếm 1-2% bảo hiểm phi nhân thọ. Tỷ lệ thâm nhập 5-6% của bảo hiểm tín dụng là còn thấp mặc dù đã có một số điều chỉnh như nâng mức chi trả, hỗ trợ lãi suất (Bảo an tín dụng (Agribank) đã nâng chi trả lên 1 tỷ đồng năm 2025).

Bảng 2. Dữ liệu tín dụng, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tín dụng, tỷ lệ nợ xấu (NPL) và tỷ lệ bao phủ nợ xấu tại Việt Nam (2020-2025)

Năm	Dư nợ tín dụng (triệu tỷ VND)	Tỷ lệ thâm nhập BHTD (% dư nợ)	Tỷ lệ nợ xấu (NPL) (%)	Tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) (%)
2020	9,5	4%	2,5	~120-140
2021	11,5	4,5%	2.3	133,7 - 141,9
2022	13,5	5%	2,0	~122-143
2023	14,5	5,2%	2,2	~100-120
2024	15,5	5,5%	2,4	91,4
2025	~18,4 (cuối năm)	~5-6%	~2-3	80,0 - 94,5

Nguồn: Tổng hợp từ State Bank of Vietnam (2025), FiinGroup (2025)

Từ Bảng 2, ta thấy: Dư nợ tín dụng tăng mạnh từ khoảng 9,5 triệu tỷ VND (2020) lên khoảng 18,4 triệu tỷ VND (2025). Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tín dụng duy trì thấp (5-6%), chưa tương xứng với tăng trưởng tín dụng. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ mức cao hậu Covid (2021-2022) xuống dưới 80-94,5% năm 2025 do nợ xấu tăng nhanh hơn dự phòng rủi ro, ảnh hưởng của thị trường bất động sản, Thông tư 02/NHNN hết hiệu lực...

Investment Development Insurance - ATIDI) năm 2023, hợp tác World Bank). Kết quả: Bảo hiểm xuất khẩu thực phẩm và dự án phát triển, tăng cường đầu tư vào các nước đang phát triển, hỗ trợ SMEs với bảo hiểm cụ thể (NEXI, 2024).

3.2. Đối chiếu với kinh nghiệm thực tiễn quốc tế

Bài học: Tập trung bảo hiểm rủi ro đầu tư nước ngoài, giảm NPL 5-10% qua linh hoạt bảo hiểm.

Trung Quốc: Chính sách định hướng hỗ trợ xuất khẩu và Sáng kiến Vành đai Con đường (BRI), với nguồn lực từ công ty bảo hiểm chính sách nhà nước. Kết quả: bảo hiểm vượt 1.000 tỷ USD, hỗ trợ xuất khẩu khoảng 770 tỷ USD (ngắn hạn), xếp hạng nhất toàn cầu về khối lượng kinh doanh từ 2015 (SINOSURE, 2024).

Hàn Quốc: Chính sách bảo hiểm thương mại và xuất khẩu, nguồn lực từ tài trợ nhà nước (34,5 tỷ USD xuất khẩu năm 2013, mở rộng trong Covid). Kết quả: giảm rủi ro tín dụng, hỗ trợ xuất khẩu trong khủng hoảng, chiếm khoảng 6,2% xuất khẩu (K-SURE, 2025).

Bài học cho Việt Nam: Xây dựng mô hình công - tư (PPP) quy mô lớn để hỗ trợ xuất khẩu, giảm NPL 20-30%.

Bài học: Mở rộng bảo hiểm ngắn hạn trong khủng hoảng, giảm NPL 15% qua bảo hiểm linh hoạt.

Nhật Bản: Chính sách bảo hiểm xuất khẩu, đầu tư nước ngoài và hợp tác công nghệ, nguồn lực từ đầu tư quốc tế (14,8 triệu USD, gia nhập Tổ chức Bảo hiểm Phát triển Thương mại và Đầu tư châu Phi (African Trade &

Châu Âu (Allianz Trade, 2025): Chính sách bảo hiểm tín dụng thương mại minh bạch. Kết quả: Bảo hiểm khoảng 3,5 nghìn tỷ EUR năm 2024, tăng trưởng ngành ổn định, giảm thất nghiệp 10-15%.

Bài học: Minh bạch phí, sử dụng AI đánh giá rủi ro để ổn định chuỗi cung ứng.

Mỹ (EXIM Bank): Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hoa Kỳ (EXIM Bank) triển khai chính sách bảo hiểm tín dụng xuất khẩu nhằm phòng

ngừa rủi ro không thanh toán, với nguồn lực tài chính do Chính phủ Liên bang bảo đảm. Chính sách này góp phần hỗ trợ các giao dịch xuất khẩu của doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, đồng thời, giảm thiểu rủi ro tín dụng cho hệ thống tài chính. Mô hình của EXIM Bank cho thấy hiệu quả của cơ chế bảo hiểm linh hoạt, áp dụng cho nhiều đối tượng người mua, qua đó, bảo vệ doanh nghiệp nhỏ, hạn chế phát sinh nợ xấu (NPL) và nâng cao khả năng tiếp cận tài chính trong hoạt động xuất khẩu.

3.3. Nhận định các điểm nghẽn (hạn chế, nguyên nhân) cần giải quyết

Giai đoạn 2020-2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế chịu tác động của đại dịch Covid-19 và quá trình hội nhập sâu rộng thông qua các FTA thế hệ mới. Các tổ chức quốc tế ghi nhận kinh tế Việt Nam duy trì tăng trưởng tương đối cao trong trung hạn, song, khu vực tài chính vẫn đối mặt với áp lực gia tăng rủi ro tín dụng (World Bank, 2025; IMF, 2025). Trên nền tảng bối cảnh đó, việc triển khai bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam bộc lộ một số hạn chế về thể chế và mức độ bao phủ, được phản ánh trong các báo cáo chuyên ngành và thực tiễn thị trường.

a) Tỷ lệ thâm nhập thị trường thấp (chỉ 5-6% dư nợ tín dụng)

- Mô tả: Thị trường bảo hiểm tín dụng Việt Nam mới hình thành, chiếm chỉ 1-2% tổng thị trường bảo hiểm phi nhân thọ (The Business Research Company, 2025). So với các nước châu Âu (20-30%) hoặc châu Á phát triển như Hàn Quốc, tỷ lệ bao phủ thấp khiến bảo hiểm chưa phát huy hết vai trò giảm rủi ro tín dụng toàn hệ thống.

- Nguyên nhân:

+ Thị trường mới phát triển, thiếu nhận thức và giáo dục ý thức bảo vệ an toàn tài chính cho khách hàng (người vay, doanh nghiệp), dẫn đến ít người tham gia tự nguyện.

+ Hợp đồng phức tạp, loại trừ nhiều rủi ro (như tự tử, bệnh hiểm nghèo không được chi trả đầy đủ...), làm giảm sức hấp dẫn của sản phẩm bảo hiểm.

+ Tác động Covid-19 (2020-2022) làm tăng rủi ro kinh tế, nhưng thiếu sản phẩm linh hoạt hỗ trợ ngắn hạn, bảo hiểm tín dụng ngắn hạn trong khủng hoảng như các nước khác hay làm.

+ Ví dụ minh họa: Ở Bảng 2, dư nợ tín dụng tăng từ 9,5 triệu tỷ VND (2020) lên 18,4 triệu tỷ VND (2025), nhưng tỷ lệ thâm nhập của bảo hiểm tín dụng chỉ tăng từ 4% lên 5-6%, cho thấy tốc độ mở rộng chưa tương xứng.

b) Thiếu minh bạch phí bảo hiểm và hiện tượng ép buộc mua

- Mô tả: Phí bảo hiểm thường quy định tỷ lệ nhất định trên vốn vay, nhưng thiếu quy định rõ ràng dẫn đến khiêu nại từ khách hàng. Hiện tượng ép buộc mua bảo hiểm khi vay vốn (dù luật cấm) vẫn xảy ra, dẫn đến tranh chấp làm giảm niềm tin xã hội và tăng bất bình đẳng (đặc biệt với người nghèo hoặc SMEs).

- Nguyên nhân:

+ Khung pháp lý chưa hoàn thiện: Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Luật Các tổ chức tín dụng 2024 quy định tự nguyện, nhưng thiếu cơ chế kiểm tra thực thi nghiêm ngặt.

+ Lợi ích bancassurance (ngân hàng bán bảo hiểm) dẫn đến lạm dụng, vì ngân hàng kiểm thêm doanh thu phí mà không minh bạch chi phí.

+ Giám sát từ NHNN và Bộ Tài chính chưa đủ mạnh, thiếu dữ liệu thời gian thực để phát hiện vi phạm kịp thời, từ đó có phản ứng xử lý hiệu quả.

+ Ví dụ minh họa: Các trường hợp khiêu nại từ khách hàng vay tại Agribank hoặc Vietcombank, nơi bảo hiểm được “gợi ý” như điều kiện bắt buộc để giải quyết cho vay.

c) Giám sát và quản lý rủi ro chưa chặt chẽ

- Mô tả: Tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm từ 133,7% (2021) xuống 94,5% (2025), cho thấy khả năng xử lý NPL chưa hiệu quả. Giám sát chưa ngăn chặn được rủi ro hệ thống, dẫn đến nợ xấu tăng trong quý III/2025.

- Nguyên nhân:

+ Thiếu cơ quan chuyên biệt, dẫn đến phân tán trách nhiệm giữa NHNN, Bộ Tài chính và các công ty bảo hiểm.

+ Nguồn lực hạn chế: Ngân sách hỗ trợ thấp, thiếu công nghệ số (AI đánh giá rủi ro) để giám sát thời gian thực.

+ Bộ phận kiểm tra giám sát nội bộ của các ngân hàng thương mại (NHTM) chưa tách bạch, còn chịu sự chỉ đạo can thiệp của lãnh đạo ngân hàng nên hiệu quả kiểm tra giám sát chưa cao; đặc biệt khi chịu áp lực tăng các chỉ tiêu về thu dịch vụ của ngân hàng qua bảo hiểm.

+ Hội nhập quốc tế chưa sâu: Chưa tham gia đầy đủ OECD Arrangement hoặc Hiệp hội Quốc tế các Cơ quan Giám sát Bảo hiểm (International Association of Insurance Supervisors, IAIS), hạn chế tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế về minh bạch và quản trị.

+ Ví dụ minh họa: Trong đại dịch Covid-19, thiếu cơ chế bảo hiểm ngắn hạn linh hoạt như KEIC (Hàn Quốc), dẫn đến tăng rủi ro tín dụng mà không có hỗ trợ kịp thời.

d) Sản phẩm chưa đa dạng và phù hợp với SMEs

- Mô tả: Sản phẩm chủ yếu tập trung vào bảo hiểm khoản vay cá nhân qua bancassurance, thiếu loại hình dành riêng cho SMEs hoặc xuất khẩu. Điều này làm giảm khả năng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế Việt Nam.

- Nguyên nhân:

+ Thị trường mới, thiếu đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới (ví dụ: bảo hiểm rủi ro chính trị cho xuất khẩu).

+ Phí còn khá cao so với lợi ích, kết hợp với hợp đồng bảo hiểm phức tạp và loại trừ nhiều rủi ro đã làm cho khách hàng, trong đó, có SMEs ngại tham gia.

+ Ảnh hưởng từ biến động kinh tế toàn cầu (lạm phát, thuế quan), ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh..., nhưng thiếu cơ chế điều chỉnh, hỗ trợ linh hoạt.

+ Ví dụ minh họa: SMEs chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong bảo hiểm tín dụng, dù xuất khẩu của Việt Nam đạt hàng trăm tỷ USD/năm, dẫn đến rủi ro cao hơn cho doanh nghiệp nhỏ.

Tóm lại, trong giai đoạn 2020-2025, bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam đã tăng trưởng khá nhờ hội nhập, nhưng các hạn chế trên làm giảm hiệu quả tổng thể, mặc dù dư nợ tín dụng trong năm 2025 tăng trưởng khá cao (Khoảng 18%) và tích cực xử lý nợ xấu nhưng NPL vẫn ở mức 2-3% dư nợ. Nguyên nhân cốt lõi là sự kết hợp giữa thị trường mới hình thành, khung pháp lý chưa hoàn thiện và nguồn lực còn hạn chế. Để khắc phục, cần rút kinh nghiệm từ thực tế thị trường bảo hiểm tín dụng, học hỏi kinh nghiệm quốc tế để đề ra các giải pháp phù hợp và hiệu quả.

3.4. Thảo luận

Từ phân tích thực trạng bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam giai đoạn 2020-2025, có thể thấy khung quản trị đã góp phần duy trì NPL ở mức cho phép, nhưng vẫn tồn tại bất cập như tỷ lệ thâm nhập thấp (5-6%), thiếu minh bạch phí và ép buộc mua, dẫn đến hiệu quả giảm rủi ro hệ thống chưa cao. So sánh với kinh nghiệm quốc tế, các nước như Trung Quốc (SINOSURE với mô hình công - tư trong bảo hiểm tín dụng đã giảm NPL từ 20-30%), Hàn Quốc (KEIC linh hoạt trong COVID giảm NPL 15%) và châu Âu (Allianz Trade minh bạch phí 0,5-5% ổn định chuỗi cung ứng) cho thấy cần một khung mô hình thử nghiệm (pilot model) để khắc phục hạn chế. Cụ thể, Việt Nam nên thử nghiệm mô hình cơ quan chuyên biệt bảo hiểm tín dụng xuất khẩu (tương tự SINOSURE), bắt đầu từ SMEs và lĩnh vực xuất khẩu, với giai đoạn thí

thử 2-3 năm để đánh giá hiệu quả giảm NPL và tăng xuất khẩu.

Về điều tiết và kiểm tra tuân thủ, từ thực trạng thiếu giám sát chặt chẽ (dẫn đến vi phạm ép buộc mua), kinh nghiệm từ Nhật Bản (NEXI tuân thủ OECD Arrangement với giám sát đa phương) và Mỹ (EXIM Bank kiểm tra định kỳ doanh nghiệp nhỏ) gợi ý Việt Nam cần xây dựng hệ thống điều tiết minh bạch, với: (1) Các nguyên tắc quản trị PPP của OECD nhấn mạnh rằng cơ chế phí và chi phí trong hợp đồng PPP cần được thiết kế linh hoạt theo đặc thù dự án, minh bạch và phù hợp với phân chia rủi ro, thay vì áp một mức phí cố định cho mọi trường hợp (OECD, 2012); (2) Kiểm tra tuân thủ hàng quý bởi NHNN và Bộ Tài chính, sử dụng AI đánh giá rủi ro (như Allianz Trade); (3) Phạt nặng vi phạm ép buộc (tăng cao hơn mức hiện tại để răn đe); (4) Hợp tác quốc tế với IAIS để chuyên gia công nghệ giám sát. Những biện pháp này sẽ khắc phục nguyên nhân thiếu nguồn lực và hội nhập chưa sâu, nâng cao niềm tin thị trường và hiệu quả giảm NPL.

Cần có góc nhìn đa chiều về lợi ích khi thực hiện: Nhà nước giảm rủi ro hệ thống; xã hội ổn định bảo vệ gia đình; khách hàng được hưởng ưu đãi lãi suất; ngân hàng giảm NPL, tăng thu dịch vụ phí bảo hiểm, tăng lợi nhuận.

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Trong thời gian qua, khung chính sách của Việt Nam liên quan đến bảo hiểm và tín dụng, tiêu biểu là Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024, cùng với Thông tư 39/2016/TT-NHNN và Nghị định 88/2019/NĐ-CP, đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho sự phát triển của thị trường bảo hiểm tín dụng. Các chính sách này bước đầu phát huy những ưu điểm đáng ghi nhận, như góp phần thúc đẩy tăng trưởng quy mô thị trường, hỗ trợ hoạt động xuất khẩu và doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), đồng thời, giảm rủi ro nợ xấu (NPL) trong hệ thống ngân hàng thông qua kênh bancassurance. Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý hiện hành nhìn chung phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA.

Tuy nhiên, quá trình triển khai trên thực tế vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tín dụng còn thấp so với tiềm năng; thiếu minh bạch về phí và điều kiện bảo hiểm dẫn đến phát sinh khiếu nại từ khách hàng; tình trạng ép buộc mua bảo hiểm trong hoạt động cấp tín dụng vẫn xảy ra, vi phạm các quy định pháp luật hiện hành; trong khi đó, công tác giám sát và thực thi chưa thực sự hiệu quả.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân mang tính cấu trúc, bao gồm: thị trường bảo hiểm tín dụng tại Việt Nam còn mới mẻ và chưa phát triển đồng đều; chưa có cơ quan quản lý hoặc đầu mối chuyên biệt cho bảo hiểm tín dụng xuất khẩu; nguồn lực tài chính và nhân sự dành cho quản lý, giám sát còn hạn chế; đồng thời, mức độ hội nhập và tiếp cận thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này chưa đủ sâu.

Từ những phân tích trên, tác giả mạnh dạn đề xuất một số khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao hiệu quả triển khai và phát huy tốt hơn vai trò của bảo hiểm tín dụng trong hỗ trợ doanh nghiệp và bảo đảm an toàn hệ thống tài chính.

Thứ nhất, thành lập Công ty Bảo hiểm Tín dụng quốc gia (VICIC, vốn ban đầu khoảng 10-20 nghìn tỷ VND) trước mắt, áp dụng cho tín dụng xuất nhập khẩu. VICIC có thể theo mô hình hợp tác công - tư (PPP), với chức năng phát hành sản phẩm bảo hiểm tín dụng, giám sát rủi ro và hỗ trợ xuất khẩu. Vốn ban đầu có thể huy động từ Ngân sách Nhà nước, các ngân hàng thương mại và đối tác quốc tế. Khả năng vận dụng tại Việt Nam là khá khả thi nhờ kinh nghiệm thí điểm từ giai đoạn 2011-2013 và nền tảng pháp lý hiện hành (Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022). Việc thành lập sẽ giúp tập trung nguồn lực, tránh phân tán như hiện tại, và chúng ta có thể học hỏi từ mô hình SINOSURE (Trung Quốc), dự kiến giảm NPL 15-20% trong lĩnh vực xuất khẩu.

Thứ hai, ban hành hoặc điều chỉnh sửa đổi nghị định hướng đến minh bạch phí bảo hiểm tín dụng. Cần nghiên cứu ban hành nghị định mới hoặc sửa đổi Nghị định 88/2019/NĐ-CP để quy định phí bảo hiểm linh hoạt (0.5-5% dựa trên rủi ro), bắt buộc công bố chi tiết phí trên nền tảng số, và cấm ép buộc mua với mức phạt cao. Khuyến nghị này có cơ sở thực hiện nhờ khung pháp lý sẵn có, chúng ta có thể thí điểm trong 2-3 năm (2026-2028) để đánh giá qua chỉ số khiếu nại của khách hàng và tỷ lệ thâm nhập, sẽ gia tăng niềm tin thị trường và giảm tranh chấp.

Thứ ba, hợp tác quốc tế (OECD, IAIS), minh bạch báo cáo tài chính, tăng độ tin cậy. Tham gia OECD Arrangement và IAIS để tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế, hợp tác với các tổ chức như SINOSURE, KEIC để tranh thủ chuyên gia kinh nghiệm và công nghệ. Yêu cầu minh bạch báo cáo tài chính hàng tháng, quý từ các công ty bảo hiểm. Khả năng vận dụng tại nước ta là khá tốt nhờ quan hệ đối tác hiện tại với World Bank và IMF, có thể bắt đầu bằng các chương trình đào tạo và hỗ trợ tài chính. Điều

này sẽ nâng cao hội nhập, giảm NPL qua chia sẻ dữ liệu rủi ro, tương tự kinh nghiệm NEXI (Nhật Bản) (NEXI, 2024).

Thứ tư, sử dụng AI đánh giá rủi ro, giảm phí SMEs, cân đối hỗ trợ lãi suất khi sử dụng sản phẩm. Áp dụng công nghệ AI để đánh giá rủi ro thời gian thực, giảm phí 20-30% cho SMEs và ưu đãi lãi suất vay khi tham gia bảo hiểm. Phát triển sản phẩm ngắn hạn dành riêng cho SMEs và xuất khẩu. Khả năng vận dụng tại Việt Nam khá cao nhờ chương trình chuyên đổi số quốc gia (Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia), có thể hợp tác với các tổ chức quốc tế để triển khai AI, mặt khác, các ngân hàng Việt Nam hiện nay có thực lực cả về tài chính và công nghệ để hỗ trợ lãi suất và triển khai giải pháp này. Chúng ta có thể học tập kinh nghiệm từ KEIC (Hàn Quốc), phấn đấu tăng tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm tín dụng lên khoảng 10% và hỗ trợ SMEs trong xuất khẩu.

Thứ năm, Nhà nước cần tăng ngân sách cho công tác giám sát, thanh tra đối với hoạt động bảo hiểm tín dụng, đồng thời, xem xét thành lập Trung tâm xử lý thông tin tín dụng bảo hiểm. Trung tâm này có thể được tổ chức như một đơn vị độc lập hoặc tích hợp vào Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) trực thuộc Ngân hàng Nhà nước, nhằm chuẩn hóa, thu thập và chia sẻ dữ liệu giữa ngân hàng, doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp vay vốn. Việc tăng cường hạ tầng thông tin và kết nối dữ liệu liên ngành sẽ góp phần nâng cao tính minh bạch, cải thiện năng lực đánh giá rủi ro, và hỗ trợ giám sát hiệu quả hơn hoạt động bảo hiểm tín dụng trong toàn hệ thống Thực hiện kiểm tra định kỳ hàng tháng và hằng quý. Khả năng vận dụng tại Việt Nam là khả thi nhờ nguồn lực nhà nước và hệ thống CIC hiện hữu, có thể bắt đầu thí điểm ở các khu vực xuất khẩu lớn (TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng), sẽ cải thiện công tác giám sát, giảm vi phạm và giảm NPL.

Các khuyến nghị trên có tính khả thi khi Việt Nam hiện có nền tảng pháp lý, kinh nghiệm thí điểm giai đoạn 2011-2013 và thực tiễn phát triển giai đoạn 2020-2025, có nguồn lực từ Ngân sách Nhà nước và hợp tác PPP, có nền tảng chuyển đổi số quốc gia hỗ trợ trí tuệ nhân tạo AI, có quan hệ tốt với các tổ chức quốc tế ở khu vực và thế giới. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam giảm NPL 15-20%, tăng thâm nhập bảo hiểm tín dụng xuất khẩu lên khoảng 10%, tăng tỷ lệ bao phủ nợ xấu, đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng và an toàn hệ thống tài chính ngân hàng.

Tài liệu tham khảo

- Allianz Trade. (2025). Allianz Global Insurance Report 2025: Rising demand for protection. https://www.allianz.com/content/dam/onemarketing/azcom/Allianz_com/economic-research/publications/specials/en/2025/may/2025-05-27-global-insurance-report.pdf
- EXIM Bank. (2024). *2024 Annual Report*. <https://img.exim.gov/s3fs-public/reports/annual/2024/FY2024+Final.pdf>
- FiinGroup. (2025). *VIETNAM BANKING REPORT 2025: Vietnam's Banking Sector Amid Global Shifts and Financial Frontiers*. https://fiingroup.vn/upload/docs/DEMO_fixed_Banking%20Report_%202025_250825.pdf
- International Monetary Fund. (2025, September 15). *Vietnam : Executive Board concludes 2025 Article IV consultation with Vietnam*. <https://www.imf.org/news/articles/2025/09/15/pr-25296-vietnam-imf-executive-board-concludes-2025-article-iv-consultation>
- Korea Trade Insurance Corporation (K-SURE). (2025). *Annual Report 2024*. https://www.ksure.or.kr/rh-en/bbs/i-670/detail.do?ntt_sn=37668
- Merton, R. C. (1974). On the pricing of Corporate Debt: The Risk Structure of Interest Rate. *Journal of Finance*, 29(2), 449–470. <https://doi.org/10.1111/j.1540-6261.1974.tb03058.x>
- NEXI. (2024). *Integrated Annual Report 2024*.
- Organisation for Economic Co-operation and Development. (2012). *Recommendation of the Council on Principles for Public Governance of Public-Private Partnerships*. OECD Legal Instruments. <https://legalinstruments.oecd.org/en/instruments/OECD-LEGAL-0392>
- SINOSURE. (2024). *Annual Report 2024*.
- State Bank of Vietnam. (2025). *Họp báo về kết quả hoạt động ngành Ngân hàng năm 2025 và nhiệm vụ năm 2026 (ngày 29 tháng 12 năm 2025)*. <https://en.vietnamplus.vn/credit-growth-nears-18-in-2025-central-bank-post335108.vnp>
- The Business Research Company. (2026). *Commercial Insurance Market Report 2026*. <https://www.thebusinessresearchcompany.com/report/commercial-insurance-global-market-report>
- World Bank. (2025). *Cập nhật kinh tế Việt Nam: Đánh giá tháng 9 năm 2025*.